

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DIỄN CHÂU
TỈNH NGHỆ AN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **82/2025/HNGĐ-ST**

Ngày: 26/03/2025

Về việc: “*Tranh chấp Hôn nhân và gia đình*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DIỄN CHÂU, TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Danh Hùng

Các Hội thẩm nhân dân: bà Nguyễn Thị Liên và ông Nguyễn Văn Dũng

Thư ký ghi biên bản phiên toà: bà Cao Thị Vân – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Diễn Châu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Diễn Châu tham gia phiên toà:

Bà Nguyễn Thị Vinh - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 03 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Diễn Châu xét xử sơ thẩm, công khai vụ án dân sự, thụ lý số: 202/2024/TLST- HNGĐ ngày 26 tháng 6 năm 2024 về: “Tranh chấp Hôn nhân và gia đình”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2025/QĐXXST – DS ngày 03 tháng 3 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Thùy T**, sinh năm 1994

Nơi ĐKKHKT: xóm Q, xã D (nay là xã N), huyện D, tỉnh Nghệ An

Nơi ở hiện nay: khối B, thị trấn D, huyện D, tỉnh Nghệ An (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Anh **Tô Văn S**, sinh năm 1993

Nơi cư trú: xóm Q, xã D (nay là xã N), huyện D, tỉnh Nghệ An (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 25 tháng 03 năm 2024, được bổ sung tại bản tự khai ngày 11 tháng 07 năm 2024, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thùy T trình bày: chị và anh Tô Văn S kết hôn với nhau vào ngày 08/3/2014, hôn nhân trên cơ sở tình yêu hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã D, huyện D, tỉnh Nghệ An. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với nhau được 4 năm đến năm 2018 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh S sa vào con đường nghiện

ngập nên sống thiếu trách nhiệm với vợ con. Thậm chí chị T góp ý khuyên nhủ nhưng còn bị anh S đánh đập, anh S cũng đã xé mất Giấy chứng nhận kết hôn. Vì vậy chị đã quyết định về ngoại sống với bố mẹ đẻ và cắt đứt quan hệ vợ chồng từ năm 2019 đến nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được chị T làm đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Diễn Châu giải quyết cho chị được ly hôn với anh S để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là Tô Hồng P, sinh năm 2014 và Tô Hoàng A, sinh năm 2017, các cháu hiện đang sống với bố và ông nội tại xóm Q, xã N. Do không có điều kiện về kinh tế, hiện đang đi làm xa nên chị có nguyện vọng giao cả hai con cho anh Tô Văn S trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục, trông nom cho đến khi con chung trưởng thành và xin tạm hoãn cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung và nợ: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị Nguyễn Thị Thùy T đã có đơn đề nghị tòa án không tiến hành hòa giải và có đơn xin xét xử vắng mặt do chị ở xa, điều kiện công việc, đi lại khó khăn nên không thể đến Tòa án làm việc nhiều lần, chị đề nghị Tòa án tiến hành các thủ tục để giải quyết vụ án theo quy định.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện Diễn Châu đã tiến hành xác minh: anh Tô Văn S có đăng ký hộ khẩu và hiện đang sinh sống tại xóm Q, xã N, huyện D, tỉnh nghệ An, Tòa án đã tổng đạt, niêm yết cho anh Tô Văn S các văn bản tố tụng, anh Tô Văn S vắng mặt tại các phiên hòa giải nên không có ý kiến gì.

Theo tài liệu do đương sự cung cấp: do làm mất Giấy chứng nhận kết hôn chị Nguyễn Thị Thùy T có đơn yêu cầu UBND xã D cấp Giấy chứng nhận kết hôn và được xác nhận cụ thể tại Công văn số 07/UBND – TD ngày 19/2/2024: *“Hiện công chức Tư pháp đã kiểm tra sổ lưu trữ tại UBND xã và hệ thống phần mềm điện tử không có thông tin kết hôn của công dân Nguyễn Thị Thùy T và Tô Văn S. Nếu đúng như đơn trình bày của công dân thì sai sót này là do công dân đã không cẩn thận làm mất giấy đăng ký kết hôn và sai sót do cán bộ tư pháp tại thời điểm năm 2014 đã không lưu hồ sơ kết hôn của công dân”*

Tòa án đã tiến hành xác minh tại UBND xã N về việc đăng ký kết hôn, hôn nhân thực tế và được cung cấp: anh Tô Văn S sinh năm 1993 và chị Nguyễn Thị Thùy T, sinh năm 1994 đăng ký kết hôn tại UBND xã D (nay là xã N), huyện D, tỉnh Nghệ An vào năm 2014. Sau khi thực hiện các thủ tục, UBND xã

N đã tiến hành cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn cho anh S. Quá trình sinh sống tại địa phương, khi thực hiện thủ tục khai sinh cho con chung Tô Hồng P, sinh năm 2014 và Tô Hoàng A, sinh năm 2017 cũng như các thủ tục hành chính tư pháp khác liên quan (hộ khẩu, căn cước công dân) chị Nguyễn Thị Thùy T đã cung cấp đầy đủ các tài liệu theo yêu cầu của đối chứng và được chính quyền địa phương kiểm tra. Trên thực tế, sau khi kết hôn anh Tô Văn S và chị Nguyễn Thị Thùy T chung sống với nhau tại hộ gia đình ông Tô Dũng T1 (cha đẻ) ở xóm Q, xã N, huyện D, tỉnh Nghệ An và đã có hai con chung với nhau.

Phát biểu ý kiến tại phiên tòa, Kiểm sát viên đánh giá trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán và hội đồng xét xử đã tiến hành đúng, đầy đủ theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự; Tòa án mở phiên tòa đúng thời hạn chuẩn bị xét xử. Nguyên đơn chấp hành đúng các quy định của pháp luật, bị đơn anh Tô Văn S đã được Tòa án cấp, tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và có ý kiến ở các phiên hòa giải, nguyên đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Tòa án đưa vụ án xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn, bị đơn là đúng quy định tại điều 227, điều 228, điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết vụ án đề nghị Tòa án áp dụng khoản 1 điều 9, khoản 1 điều 14, điều 15, khoản 2 điều 53, điều 57, điều 58, điều 81, điều 82, điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 Luật Hôn nhân và gia đình, không công nhận chị Nguyễn Thị Thùy T và anh Tô Văn S là vợ chồng; về con chung: Giao 02 con chung là Tô Hồng P, sinh năm 2014 và Tô Hoàng A, sinh năm 2017 cho anh Tô Văn S trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục, trông nom cho đến khi con chung trưởng thành, tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho chị Nguyễn Thị Thùy T; Về tài sản chung không yêu cầu giải quyết; án phí: chị Nguyễn Thị Thùy T phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có tại hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. *Về quan hệ tranh chấp*: Theo lời trình bày của đương sự anh Tô Văn S và chị Nguyễn Thị Thùy T đã tổ chức đám cưới theo nghi lễ phong tục địa phương và đăng ký kết hôn tại UBND xã D Tòa án đã tiến hành làm việc với UBND xã N (xã D cũ) nơi anh chị sinh trú quán và được xác nhận: thực tế vào

năm 2014, UBND xã D có tiếp nhận hồ sơ và tiến hành thủ tục đăng ký kết hôn cho anh S và chị T nhưng do sơ suất nên không vào sổ, sau khi có yêu cầu của chị Nguyễn Thị Thùy T về việc xác nhận việc đăng ký kết hôn cũng như yêu cầu xác minh của Tòa án, kiểm tra hệ thống sổ sách cũng như phần mềm thì không có tài liệu nào lưu trữ về việc anh Tô Văn S và chị Nguyễn Thị Thùy T. Do vậy không cơ sở kết luận anh Tô Văn S và chị Nguyễn Thị Thùy T đã đăng ký kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình. Do đó Tòa án xác định quan hệ pháp luật giải quyết trong vụ án là tranh chấp về việc “không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Tô Văn S và chị Nguyễn Thị Thùy T, nuôi con chung”.

[1.2]. *Về thẩm quyền*: Đây là vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình được quy định tại khoản 7 điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn anh Tô Văn S có đăng ký hộ khẩu và chỗ ở hiện nay tại xóm X, xã D, huyện D, tỉnh Nghệ An nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An theo quy định tại điểm a khoản 1 điều 35 và điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.3]. *Về việc vắng mặt các đương sự*: Sau khi thụ lý, Tòa án đã tiến hành các thủ tục niêm yết, xác minh tại nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với anh Tô Văn S và tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật. Chị Nguyễn Thị Thùy T đã thông báo đến anh S toàn bộ nội dung khởi kiện, anh S biết rõ nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa; nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thùy T có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Do đó căn cứ vào các điều 70, điều 207, điều 227, điều 228, điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự; điều 5 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao để giải quyết và xét xử vắng mặt anh Tô Văn S và chị Nguyễn Thị Thùy T.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. *Về quan hệ hôn nhân*: Hôn nhân giữa anh Tô Văn S và chị Nguyễn Thị Thùy T tuy không hợp pháp nhưng việc anh chị chung sống với nhau là hoàn toàn tự nguyện, vợ chồng có thời gian hôn nhân thực tế từ năm 2014 đến năm 2018 được Ban chỉ huy xóm Q và chính quyền xã D xác nhận. Sau một thời gian ngắn chung sống hạnh phúc giữa chị T và anh S đã xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng về quan điểm sống, tính cách, thiếu sự hòa hợp nên dẫn đến tình cảm phai nhạt. Quá trình làm việc tại Tòa án, chị T cũng xác định không còn tình cảm gì với anh S nữa, hiện nay đã sống ly thân nhau, không có khả năng đoàn tụ với nhau nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với

anh S. Riêng anh S, sau khi được thông báo toàn bộ nội dung khởi kiện của chị T về việc ly hôn thì anh S vắng mặt tại các phiên hòa giải, phiên tòa nên không có ý kiến gì về việc chị Nguyễn Thị Thùy T nộp đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Diễn Châu giải quyết ly hôn. Điều đó chứng tỏ rằng mối quan hệ giữa chị T và anh S đã thực sự rạn nứt, mục đích hôn nhân không đạt được, bởi vậy cần áp dụng khoản 1 điều 9, điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để không công nhận chị Nguyễn Thị Thùy T và anh Tô Văn S là vợ chồng.

[2.2]. *Về con chung*: Vợ chồng có hai con chung là Tô Hồng P, sinh năm 2014 và Tô Hoàng A, sinh năm 2017, chị T có nguyện vọng giao hai con cho anh S trực tiếp nuôi dưỡng vì điều kiện sống và kinh tế của chị hiện nay không đảm bảo để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục các con. Tại Đơn trình bày nguyện vọng và xác minh thực tế hiện nay các cháu Tô Hoàng A và Tô Hồng P đang sống với anh Tô Văn S và ông nội là Tô Dũng Tới tại xóm Q, xã N, hiện đang học tại Trường Tiểu học xã D có xác nhận của Hiệu trưởng. Do đó, Hội đồng xét xử thấy có căn cứ để giao cả hai con cho anh Tô Văn S trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục, trông nom cho đến khi con chung trưởng thành. Do điều kiện công việc và thu nhập của chị T không đảm bảo nên tạm hoãn việc thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho chị T.

[2.3]. *Về tài sản chung*: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2.4]. *Án phí*: chị Nguyễn Thị Thùy T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[2.5]. *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 7 điều 28, điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 điều 39, điều 147, điều 227, điều 228, điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

- Khoản 1 điều 9, khoản 1 điều 14, điều 15, khoản 2 điều 53, điều 57, điều 58, điều 81, điều 82, điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Tuyên xử:

1. *Quan hệ hôn nhân*: Không công nhận chị Nguyễn Thị Thùy T và anh Tô Văn S là vợ chồng.

2. *Về con chung*: Giao hai con chung là Tô Hồng P, sinh năm 2014 và Tô Hoàng A, sinh năm 2017 cho anh Tô Văn S trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục, trông nom cho đến khi con chung trưởng thành. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho chị Nguyễn Thị Thùy T.

Chị Nguyễn Thị Thùy T có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định tại Khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. *Về tài sản chung và nợ*: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. *Án phí*: Chị Nguyễn Thị Thùy T phải chịu 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng án phí dân sự sơ thẩm, án phí của chị T được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Diễn Châu theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số 0011477 ngày 19/6/2024.

5. *Về quyền kháng cáo*: Chị Nguyễn Thị Thùy T và anh Tô Văn S vắng mặt được quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Nghệ An;
- VKSND huyện Diễn Châu;
- Chi cục THA dân sự Diễn Châu;
- UBND xã Ngọc Bích;
- Các đương sự;
- Lưu HS, lưu VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Danh Hùng

